Tự Truyện
Chủ đề: nhân quả–phước duyên
Tác giả: Nguyễn Đức Giang

SONG CHUNG

(Viết để nhớ một đứa con đã nằm xuống)

***Lời giới thiệu**: Xin kính chuyển bài viết "Song Chung" thật hay và cảm động của Thầy Nguyễn Đức Giang, cựu Hiệu Trưởng trường Võ Tánh Nha Trang trước năm 1975.*

Thầy Nguyễn Đức Giang vừa qua đời tại Odense, Đan Mạch ngày 19/7/2024, hưởng thọ 91 tuổi. Thầy Giang đã viết bài Song Chung từ nhiều năm trước để tưởng nhớ người con gái yêu quý của Thầy đã nằm xuống năm 2003.

PL được gặp Thầy lần đầu tiên trong kỳ Hội Ngộ Liên Trương Võ Tánh và Nữ Trung Học Nha Trang được tổ chức tại Seattle năm 2009. Sau đó gặp Thầy thêm vài lần nữa và lần cuối trong kỳ Hội Ngộ VT–NTH NT tại Houston năm 2012. Tuy không được học với Thầy và tuy Thầy ở Đan Mạch xa xôi cách trở, nhưng thỉnh thoảng hai Thầy trò vẫn liên lạc hỏi thăm nhau thân tình qua điện thư. Bẵng một thời gian khá lâu không nghe tin Thầy, giờ hay tin Thầy ra đi, lòng không khỏi ngậm ngùi thương tiếc một vị Hiệu Trưởng khả kính, đầy lòng bác ái và được nhiều Thầy Cô và học trò thương yêu.

Xin nguyện cầu hương linh Thầy Nguyễn Đức Giang sớm được siêu sinh tịnh độ về Cõi Phúc.

Xin mời đọc và kính chúc an vui.

Thân kính,
PLang

o0o

Cho đến ngày đổi đời

Con đưa cho ba một bài báo đăng trong tập san của trường, chỉ vào bút hiệu của tác giả, miệng cười toét hỏi ba có biết ai không. Ba chưa kịp trả lời, con đã nhanh nhẩu giải thích. Song Chung là hai cái li. Lili đó mà. Ba cười theo.

Lili là tên gọi con ở nhà. Tên con là Nguyễn Thị Anh Phương, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1958, nhằm ngày 24 tháng giêng năm Mậu Tuất tại nhà hộ sinh tư của bà Cần ở Qui Nhơn, nơi ba me dạy học. Từ tấm bé, khi mới mấy tháng tuổi, chưa biết ngồi, con bậm bạp và lanh lẹ hơn anh Lân cùng lứa tuổi. Ba me thường để con nằm ngửa, đè thẳng đôi chân sát giường là con bật ngay dậy trong tư thế ngồi. Trò đùa này được diễn đi diễn lại hằng ngày và đôi khi còn đem khoe với bạn bè của ba me đến chơi. Ai cũng khen con nhỏ cứng cáp.

Tết năm Nhâm Dần 1961, con sắp tròn năm tuổi. Ông thanh tra tiểu học Võ Quang Loan đến thăm Tết, trong khi ba me cũng bận đi thăm quanh. Trà nước, mứt bánh đã bày sẵn trên bàn. Anh Lân hơi nhút nhát, hễ thấy người lạ là tránh mặt. Me dặn con, ai đến thăm

phải thưa, mời ngồi, pha nước mời uống. Ông Loan kể lại: Con bé liếng thoắng, biết thưa gởi, hỏi đâu trả lời đó. Khi ra về bị nó gọi giật lại, thưa ông quên lì xì.

Năm con chín tuổi, học xong lớp ba, anh Lân học xong bậc tiểu học. Ba me muốn anh Lân học hè trước khi vào đệ thất. Nếu ba me đưa anh Lân đi ghi danh ở trường tư Bồ Đề, chắc những đồng nghiệp của ba không nhận học phí. Anh Lân do dự, không muốn tự mình đi ghi danh, đóng học phí như những học sinh khác. Con xung phong đưa anh Lân đi.

– Sao ghi tên con trai? thầy nhìn con ngạc nhiên hỏi.

– Dạ, ghi cho anh. Con trả lời.

– Anh ở đâu?

– Dạ, ở ngoài kia.

– Ra đưa anh vào đây.

Con đưa anh Lân vào, đóng học phí là xong, dễ ợt. Con kể với ba me với vẻ hãnh diện.

Năm 1969 con 11 tuổi, thi vào đệ thất trường trung học Nguyễn Huệ. Trong thời gian chấm thi, thầy Nguyễn Bá Quát đến văn phòng hiệu trưởng với một bài thi quốc văn trên tay, nói với ba: Tôi không tin bài này do một học sinh lớp năm viết. Anh cho so lại số phách xem có gì bất thường không. Ba yêu cầu thầy tiếp xúc với thư ký hội đồng giám khảo là thầy Hoàng Văn Trí. So số phách, tên thí sinh là Nguyễn thị Anh Phương, một trong những nữ sinh giỏi của trường Nữ Tiểu Học Tuy Hoà do me làm hiệu trưởng. Chẳng ai nghi ngờ có chuyện bất thường. Theo thông lệ, con và em ruột giáo chức của trường được nâng đỡ nhận vào đệ thất. Hội đồng giám khảo họp tổng kết kỳ thi. Con có số điểm cao nhất. Có giáo sư dè dặt nêu ý kiến, con ông hiệu trưởng đậu đầu người ta có dị nghị không. Các giáo sư khác phản bác, chẳng lẽ chỉ vì là con ông hiệu trưởng mà một thí sinh giỏi không được đậu đầu hay sao.

Năm 1972 gia đình chuyển vào Nha Trang, nơi ba nhận nhiệm sở mới. Niên khoá 1974–1975 con học lớp đệ nhị trường Nữ Trung Học Huyền Trân, cải danh của trường Nữ Trung Học Nha Trang. Đầu niên khoá, trường tổ chức bầu Ban Đại Diện học sinh theo thể thức liên danh phổ thông đầu phiếu, con đứng làm thụ uỷ một liên danh, tranh cử với những liên danh mà thụ uỷ là học sinh lớp đệ nhất. Con thật can đảm, nhưng ba không tin con sẽ thành công. Thời của ba, học sinh lớp đệ nhất đều có bằng tú tài bán phần, nhìn học sinh các lớp dưới với vẻ tự tôn, xem như đàn em. Vả lại, đối với trường Nữ Nha Trang con còn là khuôn mặt mới. Kết quả cuộc bầu cử ra ngoài dự đoán của ba. Sau những lần vận động công khai, liên danh con đắc cử. Con trở thành trưởng ban đại diện học sinh trường Nữ Trung Học Huyền Trân niên khoá 1974–1975, hay ít ra cũng đến

tháng 3–1975 khi chiến cuộc ào ạt tràn đến Nha Trang. Nhiều thầy cô trường Huyền Trân nói, con nhỏ cũng lém miệng như ông già nó.

Trường Nữ từng có nhiều sáng kiến khá độc đáo. Nhân dịp lễ kỷ niệm hai Bà Trưng ngày 6 tháng 2 năm 1975, trường tưng bừng tổ chức sinh hoạt học đường với nhiều bộ môn thi đua, trong đó có thi đua hùng biện, chủ đề "Người Phụ Nữ Việt Nam". Ba được mời dự lễ phát thưởng. Một học sinh tên Khấn cùng cấp lớp đệ nhị với con trình bày lại bài đoạt giải nhất. Với giọng Bắc lưu loát, Khấn trình bày bài viết một cách chững chạc, nội dung khá súc tích. Nếu ba nhớ không lầm thì con được giải ba, sau một học sinh đệ nhất.

Cuối niên khoá 1975–1976 con lãnh bằng tú tài của chế độ mới. Nhưng từ đó về sau con đường học vấn của con và các em bị tắt lối vì lý lịch của ba. Cuộc đời con chuyển hướng. Thực tế phũ phàng đã cuốn phăng tuổi hoa niên mộng mơ của một nữ sinh vừa tròn 18.

"Lao động là vinh quang!" Trụ cột của gia đình.

Ba me đặt nhiều kỳ vọng nơi con, đứa con tháo vát nhất nhà, có trí thông minh đủ để tiến xa trên đường học vấn. Ba me đã dự liệu một kế hoạch khiêm nhường cho việc học hành của con cái trong tương lai bằng cách dành dụm tiền lương tương đối khá của hai vợ chồng. Trọn tiền lương của ba mua công khố phiếu, chi tiêu bằng lương me và tiền ba me dạy tư. Ngôi nhà mà me gọi là nhà "mơ ước" ở Tuy Hoà đã bán khi thuyên chuyển. Ba bàn với me đem tiền bán nhà góp vào việc làm ăn của hai người bạn để có tiền lời hàng tháng, thật ra số tiền góp mỗi nơi một triệu đồng chẳng đáng là bao so với vốn liếng của những nhà nhập cảng sắt và phân bón. Đó chỉ là một cách người ta giúp đỡ mình. Dự kiến của ba me là ở Nha Trang một thời gian rồi sẽ tìm cách vào Sài Gòn khi ba bốn đứa con đã vào đại học.

Biến cố 1975 đã xoay chuyển tình thế một cách mau chóng và toàn diện. Tiền mua công khố phiếu không kịp rút ra. May thay, trong thời gian tình hình sôi bỏng, chú Tuấn đến nhà nói với ba một cách chân tình: tình thế này anh em mình chưa chắc được gặp lại nhau. Tôi trả lại anh số tiền đã gởi. Chú còn đưa thêm 50,000 thay vì 40,000 như thoả thuận, xem như tiền lời tháng đó. Ba và chú Tuấn chúc lành cho nhau trước khi chia tay. Người bạn thứ hai chỉ trả lại được 200,000, vì không sẵn tiền mặt. Giá như không có tiền chú Tuấn trả lại, chúng ta không đủ khả năng mua cái nhà ở đường Bạch Đằng sau khi ba bị bắt, trong thời gian ở tạm tại nhà bác Hy. Không có một cái nhà chính thức, chắc chắn vùng kinh tế mới là nơi dung thân của gia đình. Ba me đã được gặp lại chú Tuấn ở San Jose năm 2001, sau 26 năm kể từ ngày chia tay ở Nha Trang. Anh em tay bắt mặt mừng, và ba đã bày tỏ lòng biết ơn chân thành với chú.

Trong hoàn cảnh mới, gia đình chúng ta cũng như biết bao nhiêu gia đình "ngụy quân ngụy quyền" khác phải thường nhật đối phó với những căng thẳng về mặt kinh tế và xã hội. Gia đình có người đi "cải tạo" bị phân biệt đối xử ở địa phương, con cái bị phân biệt đối xử ở học đường. Các cấp lớp là hàng rào ngăn cản việc tiếp tục học vấn của các con ở

trường trung học. Đường lên đại học hoàn toàn bị bít lối. Liên thi đậu vào đại học thuỷ lợi, nhưng địa phương không cho cắt hộ khẩu, Ni không được thi vào lớp mười tại một trường thuộc thành phố Nha Trang sau khi học xong lớp chín. Me được tiếp tục dạy học. Đồng lương của một công nhân viên nhà nước vào thời đó may ra chỉ nuôi sống được bản thân. Me làm sao có thể chu cấp cho tám con với một chồng? Cả nhà lao vào lao động, chẳng phải theo chính sách "lao động là vinh quang" mà vì nhu cầu miếng cơm manh áo trước mắt. Những lần me lặn lội thân cò mòn mỏi đi thăm nuôi chồng, qua những cuộc chuyện trò ngắn ngủi dưới sự giám sát nghiêm nhặt của công an, ba không ý thức được rõ ràng những khốn khó của gia đình về nhiều mặt.

Là duyên hay là nợ? Lấy chồng 25 năm cho đến năm 1981, me đã nuôi ba hai lần. Lần đầu ba năm, khi ba bỏ ngang việc dạy học ở Qui Nhơn để đi học đại học. Gánh nặng gia đình chồng chất lên vai me, không những chỉ với bốn con vào thời đó mà còn có chú Hùng, o Lạc, các anh Sơn Na con cậu Tú, các chị Vân Trâm con dì Bang gởi ra Qui Nhơn ăn học. Lần sau sáu năm ba ở tù, me đều đặn hai tháng một lần đạp chiếc xe cà tàng lên đèo xuống dốc đi Đồng Găng thăm nuôi chồng. Của "ngon vật lạ" vào thời gian bao cấp, đối với gia đình chúng ta được hiểu là một ki–lô thịt một tháng theo tiêu chuẩn của một công nhân viên, cả nhà nhịn ăn để thăm nuôi ba.

Cuối tháng 6 năm 1981 ba được "cách mạng khoan hồng". Cuốn phim sinh hoạt gia đình từ từ quay chậm lại. Me dạy học ở trường, dạy tư ở nhà. Sáng sớm tinh sương me ngồi đó, tối lại me ngồi đó... đan len thuê, đứng ra mượn tiền khi túng thiếu, góp ý với con trong việc làm ăn. Gia đình đã làm hơn hai mươi công việc khác nhau để sinh sống, có lẽ không nhớ hết để kể lại: dạy học, đan len, bán bút mực, bàn bi lắc, mua bán quần áo cũ, bán bánh mì, quấn và bán thuốc lá, làm kem chuối, kem cây, kẹo dẻo, bánh tổ ong, tháo kẽm gai thuê, nhuộm áo quần, phụ thợ hồ, công nhân xưởng thiết bị ty Giáo Dục vân vân... và vân vân.

Con và Titi lần lượt trên 18 tuổi, phải kiếm một chân lao động, nếu không thì đi vùng kinh tế mới, vì con nhà thuộc "diện chính sách". Chú Trung đã xoay xở cho con và Titi mỗi đứa một chân phụ thợ hồ. Vác bao xi–măng 25kg trên vai, chuyển từ kho đến công trường xây dựng gần chợ Đầm, leo lên vài ba tầng lầu, cô nữ sinh Huyền Trân ngày nào có lần quá mệt, để bao xi–măng xuống, dựa lưng vào tường của một cửa hàng trên đường Độc Lập ngủ ngon lành. Kẻ qua người lại, có thể có bạn học và người quen, chẳng ai để ý và nhận ra Nguyễn Thị Anh Phương hình hài đã thay đổi.

Titi lấy cát sạn dưới sông, phụ hồ ngoài Hòn Khói. Quá mỏi tay, Titi đã lật úp lưng xẻng để trộn hồ, hồ xúc lên tuột xuống. Người ta thương tình không sa thải, cho vào phụ bếp. Bữa đói bữa no, đau ốm không có thuốc thang, Titi muốn về thăm nhà không đủ tiền xe, dù Hòn Khói chỉ cách Nha Trang chừng 40 cây số. Nhẫn nhục một thời gian, chịu không nổi phải bức, mặc cho số phận, đến đâu hay đến đó.

Mấy đứa em vừa đi học vừa tham gia công tác sản xuất theo kế hoạch nhỏ của gia đình. Một vài trường hợp lường gạt khóc hổ ngươi cười ra nước mắt, nghĩ mà thương. Thương cho người bị lường gạt và thương hơn cho người lường gạt. "Nhân chi sơ tánh bổn thiện". Hoàn cảnh đã làm cho con người biến chất, đánh đổi sự lương thiện bằng chút lợi lộc cỏn con, lừa gạt cả trẻ em. Nini đứng coi tủ thuốc đặt nhờ trước nhà một người quen gần bến xe Ninh Hoà, có người hỏi mua thuốc Samit Thái Lan nguyên bao. Nini mừng gặp khách sộp. Khách hỏi giá cả và muốn xem bao thuốc, xem xong trả lại nói về nhà lấy tiền. Đợi mãi chẳng thấy, có người muốn mua thuốc lẻ mới phát hiện bao thuốc bị tráo, trong bao chỉ có thuốc vấn, Thật tài tình! Nini đã khóc, khóc vì tức tối, khóc vì tiếc của, bao Samit trị giá gần bằng nửa tủ thuốc. Lư bấy giờ chừng mươi tuổi đứng coi tủ kem đặt gần nhà, ở góc đường Bạch Đằng – Nguyễn Hoàng. Trời đã tối, người nhà ra đẩy tủ kem về. Lư nói chưa được, có một bà còn gởi lại năm cây kem. Hỏi ra mới vỡ lẽ, bà ấy gạt Lư, bảo thối tiền trước, khi lấy kem sẽ đưa tờ giấy bạc lớn.

Liên thỉnh thoảng đi tắm biển với bạn buổi sáng trước khi đến trường. Có lần tắm xong Liên lân la với bạn bè trước cổng trường chờ giờ vào học, thấy con đạp xe đi bỏ mối sản phẩm do gia đình làm ra cho các hàng quán trước trường Võ Tánh. Liên cảm thấy có chút tự ti mặc cảm, "nhưng nghĩ lại, tội cho chị Li quá". Liên không được cắt hộ khẩu để đi đại học, phải tính chuyện lâu dài, học một nghề phòng thân, học thợ gò thùng thiếc. Năm sáu tháng cơm nhà ngày hai buổi đến chà tôn cho sạch rồi dùng búa gỗ đập cho phẳng. Liên nói, khổ nhất là gặp những tấm tôn nhà bếp, rải cát lên tôn, đổ nước vừa thấm cát rồi dùng giẻ mà chà, chà ê cả tay tôn vẫn chưa sạch. Nửa năm trời chưa được truyền bài học nhập môn gò thùng, đành bỏ cuộc.

Liên được bác Niệm đưa vào làm công nhân xưởng thiết bị ty Giáo Dục. Bác Niệm không từ nan bất cứ một việc gì để giúp đỡ gia đình mình, kể cả những việc không đúng chính sách. Tháng lương đầu tiên kể cả tiền lì xì bốc vác được 100 đồng, số tiền Liên chưa bao giờ có trong tay. Liên tính làm hoanh, huy hoàng một chầu với vài người bạn. Liên đến nhà một người bạn thân để "khoe của" tình cờ lại gặp con. Con đến mượn 100 đồng, nói ba trong tù cần khoản tiền ấy. Ba không nhớ rõ là ba cần tiền phòng thân khi nghe tin chuyển trại, hay con viện lý do đó để tăng cường số vốn ít ỏi của mình. Thế là Liên chìa ra trăm bạc.

Lợi nhuận thường thường biến thiên ngược chiều với những giá trị đạo đức. Thấy các con buôn bán ba cũng hơi lo. Lo vì dấn thân vào một xã hội đảo điên, các con có thể bị biến chất, đánh mất sự trong trắng trong tâm hồn của tuổi trẻ. Con đã cười và trấn an ba: Buôn bán ai chẳng mong một vốn bốn lời. Nhưng "con nhà" mà ba: ba đừng lo, áo rách cũng phải giữ lấy lề. Như để dẫn chứng, con kể chuyện me viết giấy sai Nini lên bác Đặng Hữu Mô mượn một chỉ vàng. Bác Mô cho mượn một cái khâu, Nini đem ra tiệm vàng bán. Người ta trả tiền một chỉ và thối lại cái khâu một chỉ. Me sai Nini đem trả lại bác Mô cái khâu một chỉ. Bác ngạc nhiên hỏi, sao mới mượn mà trả lại ngay. Nini thưa, bác đưa lộn cái khâu đến hai chỉ. Sau này ba me gặp lại hai bác Mô vài lần ở Liège (Bỉ), bác Mô

gái nhắc lại việc ấy và hết lời khen ngợi: Mấy cháu rất thiệt thà, trong hoàn cảnh khó khăn như vậy mà còn giữ được nề nếp con nhà giáo.

Dưới sự "chỉ đạo" của me, cả nhà đều tham gia công tác lao động. Linh học trường vừa học vừa làm ở Suối Dầu, đèo củi về nhà mỗi cuối tuần. Lư, Lê thỉnh thoảng ra sân vận động bán kem khi có trận bóng tròn. Nghe nói có lần vừa ham coi vừa bị trời mưa, không bán được, đem đi thế nào đem về thế ấy. Ba nghĩ, một phần vì Lư, Lê không thể bỏ qua những sôi động hấp dẫn trên sân cỏ, phần khác vì mặc cảm nên không hăng hái rao hàng như những trẻ khác. Thật tội nghiệp! Trong nhà chỉ có anh Lân phải đeo cứng vào cái hộ khẩu đã có ở Sài Gòn để toan tính chuyện vượt biên, bữa đói bữa no, bo bo là chủ yếu, là người duy nhất không tham gia vào việc lao động trong gia đình. Tuy thế anh Lân có công rất lớn, người mở lối cho gia đình đi ra ngoại quốc trong hoàn cảnh tuyệt vọng.

Được phóng thích với một năm quản chế, trước mặt ba là một ngõ cụt, không hy vọng có khả năng đỡ được phần nào gánh nặng gia đình và trang trải những món nợ mà me ghi bằng phấn trên tấm cửa xuống nhà bếp. Ba mở lớp dạy tư, chẳng cần xin phép. Học trò dăm đứa, mấy người bạn thân cho con đến học sau giờ học ở trường. Đây cũng là một ngoại lệ, vì học trò thường học tư với thầy cô dạy mình ở lớp. Mặt khác, ba mới ở tù về, nhiều người e dè trong việc giao thiệp, ngại cho con đến học. Nhờ bác Niệm gái, thỉnh thoảng mua được sách, đa phần là sách giáo khoa, vợ chồng con cái xúm lại dán bao để cung cấp cho những hàng quán ngoài chợ bán đậu bán mè. Có ai hiểu được tâm trạng của những nhà giáo sa cơ như ba me đã dùng sách giáo khoa không nhằm mục đích giáo dục?

Con ở ngoài đường nhiều hơn trong nhà, buôn bán theo những chuyến tàu ngược xuôi vào Nam ra Bắc. Tàu thường đến ga Nha Trang vào ban đêm, giờ giấc thất thường. Nhiều đêm ba ra ga với con cho có bạn. Một kỷ niệm còn ghi mãi trong tâm trí. Một buổi tối trời mưa tầm tã, ánh đèn leo lét chỉ soi sáng một vùng nhỏ. Sân ga chìm trong gió mưa, đó đây chập chờn những ánh đèn bão của những bàn bán thức ăn, cà phê... Khoác một tấm ni–lông trên người, ba nép mình dưới cây dù của ông Khác, nguyên chánh văn phòng toà hành chánh, cũng ra ga bán cà phê dạo sau khi đi tù về. Mỗi lần ba ra ga đều được ông Khác chiêu đãi một ly cà phê. Tuy tuổi tác cách biệt nhau, nhưng hoàn cảnh đã đẩy hai người lại với nhau, trở nên đồng thanh tương ứng. Ba và ông Khác đang hàn huyên như mọi khi thì tàu đến. Sân ga náo nhiệt hẳn lên. Từ những xó xỉnh có thể đụt mưa, hành khách và con buôn tràn ra sân ga. Con xuất hiện, nói vội vàng: ba đến xa xa đằng kia, nơi có những bụi cây khuất ánh đèn, gần chỗ bẻ ghi đợi con. Nói xong con biến lên tàu. Một hồi sau con dầm mưa đến chỗ hẹn, trên vai vác một bao bố có vẻ nặng. Con mua được 47 loong sữa bò, dặn ba giấu bao sữa vào bụi rậm, đứng xa ra một chút để công an và thuế vụ có bắt gặp cũng không có tang chứng. Trước khi chạy đi, con nói như tự hỏi: Mưa thế này, sữa tróc nhãn làm sao bán được? Ba đã tháo tấm ni–lông trên mình để bọc bao sữa. Đứng lặng mình trong gió mưa, trên trời không có một vì sao để tìm thấy một tia sáng hy vọng. Chẳng lẽ thân phận của ba me và các con chìm đắm mãi trong cảnh đen tối này sao? Trong tận cùng của những khó khăn, nếu buông xuôi sẽ bị cuốn trôi theo dòng. Chính những lúc như thế này nhiều sáng kiến táo bạo đã xoay chuyển trong đầu ba. Con

lại xuất hiện với một số hàng lỉnh kỉnh khác. Hai cha con đẩy xe đạp luồn lách quanh co những ngõ hẻm tối tăm để tránh tai mắt của công an và thuế vụ, chuyển hàng về nhà. Ba đã hợp tác với con trong việc "buôn lậu" cho đến ngày ra đi. Thời buổi gì mà mang năm bảy ký gạo, mươi thước vải, nửa ký cà phê... cũng bị qui là buôn lậu, bị bắt bị phạt. Con và Titi đã buôn bán tần tảo để nuôi sống cả gia đình.

Đội đá vá trời.

Nhà bữa đói bữa no mà tính chuyện đội đá vá trời: vượt biên. Me kể với ba, một buổi sáng ngày đầu năm, me cọc cạch đạp xe trên đường theo hướng đông. Mặt trời đỏ lòm, rạng rỡ trước mặt. Me thầm nguyện: cầu Trời Phật cho con tôi đi được một đứa để cứu cả nhà. Me đã xoay xở cho anh Lân ra đi, bị thất bại, ba lượng vàng chỉ thu hồi lại bảy chỉ. Nợ nần chồng chất thêm, nhất là nợ cậu Chín, bác Đặng Hữu Mô, bác Thuận–Khiêm... Mỗi lần có đứa nào đi, me lên Tháp Bà quen miệng khấn, cho con tôi đi đến nơi về đến chốn. Anh Lân, Titi và Lê đã ra đi, không đi đến nơi nhưng về đến chốn. Me tự trách mình: sao dại quá, chỉ cầu đi đến nơi thôi, sao lại còn cầu về đến chốn! Người đầu tiên trong gia đình đi lọt là Liên. Anh Lân lấy công ra hợp tác với người quen để được đi không mất tiền và đã nhường chỗ cho em là Liên.

Ba bàn với me việc hợp tác với ba gia đình khác tổ chức vượt biên, chỉ dành cho người nhà, không lấy khách. Vấn đề nan giải là "thủ tục đầu tiên". Nếu để lộ ra những khó khăn về tài chánh, người ta có thể gạt mình ra ngoài. Vì vậy mà vừa phối hợp tổ chức vừa chạy tiền. Sau một thời gian nghiên cứu, lo toan mọi mặt, một buổi họp dứt điểm được triệu tập vào giữa tháng tư năm 1982. Mỗi gia đình đi bao nhiêu người, tiền mua đứt một chiếc ghe, ủ xăng dầu, lương thực, nước uống, vận chuyển từng đợt từ bãi ra một hòn đảo... chia tổng số chi phí cho đầu người, tính ra mỗi người góp hai lượng vàng. Đầu tiên ba me liên lạc với cậu mợ Ẩn ở Mỹ qua ông bà Nguyễn Bá Mậu, xin gởi gấp 500 đô–la qua Đức cho thân nhân một người trong nhóm tổ chức. Mục đích là để cho người ta thấy mình có cái gốc ở ngoại quốc. Cậu mợ Ẩn đáp ứng ngay. Đồ tế nhuyễn của riêng tây của me đem bán cùng với lô đất ngoài Đồng Đế được một lượng. Còn ba lượng phải chạy. Trong hoàn cảnh khó khăn chung lúc bấy giờ, chẳng biết ngày mai sẽ ra sao nên ai cũng thủ thế. Chạy sao đây cho ra ba lượng vàng? Thế mà vẫn có quí nhân phò trợ: cô Tuyết vợ bác Nhơn và hai bác Toản. Ba đã nói thật lòng với cô Tuyết và bác Toản rằng, nếu rủi ro ba không đi đến bờ đến bến thì xem việc cho mượn như chuyện làm phước. Ba me hết sức vui mừng, mừng vì mượn được vàng và mừng hơn vì cách ăn ở, ứng xử của mình đã gieo được cảm tình và lòng tin cậy nơi người khác.

Ngày 24 tháng 5 năm 1982 ba và anh Lân ra đi. Khi chia tay, me nằm quay mặt vào tường, chắc chắn là khóc không ra tiếng. Ba vỗ vai me và chỉ nói được: đi nghe! Đi tìm sinh lộ trong tử lộ. Có ai lường trước được những nguy nan đang chờ đón người vượt biên trên đất liền, trên biển cả? Có còn cơ hội gặp lại vợ con không?... Thôi đành tận nhân lực để tri thiên mạng.

Con đưa ba ra Vạn Ninh. Trên đường đi ba đã toan tính đưa con đi luôn. Nhưng nghĩ lại, ba thấy không thể thực hiện ý định này. Làm như vậy chẳng khác nào cắt đứt nguồn sống của gia đình. Vả lại, ba đã cam kết là gia đình mình chỉ đi hai người, không thể nào bội ước. Điều mà thiên hạ gọi là "quân tử Tàu" ấy đôi khi gánh lấy phần thiệt thòi về mình, nhưng ba hoan hỉ chấp nhận sự thiệt thòi ấy. Ba và con nhìn nhau, hai người hai nẻo đường. Tạm biệt hay vĩnh biệt?

Đầu năm 1983, sau khi ba và anh Lân đã đến Đan Mạch được vài tháng, con gởi thư cho ba báo tin me nằm bệnh viện, mổ tụy tạng. Vết mổ trong bụng nhiễm trùng, gia đình phải tự xoay xở đưa me vào bệnh viện Chợ Rẫy chữa trị. Tình trạng thuốc men, dụng cụ và nhân sự y tế nước ta vào thời đó quá lạc hậu. Anh Ngà, bạn anh Lân, bị trói tay chân để mổ ruột thừa, vì không có thuốc mê. Đằng này me mổ bụng, và bụng càng ngày càng trương lên. Người ta tạm cho về nhà vào dịp Tết, nhưng nhiều người hiểu là về để chết tại nhà. Trong số những người này có bác Ngọc, nhân viên y tế, đã đưa cả gia đình đến thăm me. Sau này bác mới nói. Chị đưa các cháu đến thăm em để các cháu thấy mặt cô lần cuối.

Con làm con thoi giữa Nha Trang và Sài Gòn, đôi khi có Titi hay Nini và các em tháp tùng. Gánh nặng trên đôi vai con chồng chất thêm, phần quán xuyến gia đình, phần lo cho me ở bệnh viện Chợ Rẫy. Me còm cõi trên giường bệnh, nói không ra tiếng. Thỉnh thoảng Titi trực đêm, ngủ trên sàn nhà cạnh giường me. Đêm hôm Titi ngủ say, me cột một sợi dây vào chân Titi để giật khi cần, thay vì gọi. Bị giật dây, Titi tháo dây khỏi chân và tiếp tục ngủ lại tỉnh bơ. Lưỡi hái tử thần đã treo lủng lẳng trên đầu, nhưng Trời Phật đã để mạng sống của me lại cho ba và các con. Me về nhà chỉ còn cân nặng 27 ki–lô. Trong thời gian này, viện trợ từ Đan Mạch còn nhỏ giọt. Ba, anh Lân và Liên hưởng trợ cấp xã hội để đi học, mỗi tháng đóng góp gởi về nhà 100 đô–la và 100 trả nợ vượt biên. Tỉ giá đô–la vào thời đó cao gấp đôi bây giờ, mức đóng góp của mỗi người gần bằng một nửa khoản tiền trợ cấp.

Me với Lê Lư đến Đan Mạch ngày 18 tháng 12 năm 1985, cùng ngày tháng với ba và anh Lân, nhưng sau đúng ba năm. Ba đón một bà cụ gầy gò, lọm khọm hơn bây giờ, sau 18 năm. Niềm vui đoàn tụ với chồng và nửa phần con cái không làm vơi đi nỗi âu sầu của người mẹ đã dứt áo ra đi, để lại quê nhà bốn đứa con với viễn tượng đau buồn chẳng biết bao giờ gặp lại. Theo luật Đan Mạch, con cái trên 18 tuổi được xem là thành niên, không được bảo lãnh theo diện đoàn tụ gia đình.

Mùa hè năm 1986 ba tâm sự với ông thầy cũ ở trường sinh ngữ, ông Ole Åbraa Hansen. Theo lời khuyên của ông Ole, ba viết cho ông bộ trưởng tư pháp Đan Mạch một lá thư cầu may, kèm theo thư hỗ trợ của ông Ole. Việc làm giống như tát một vũng nước đã khô cạn. Ba đưa me, Lê Lư và Linh Liên đi Pháp cho biết đó biết đây. Gần ba tuần sau trở về, ba nhận được một lô thư tín, trong đó có thư của bộ tư pháp. Sau khi tắm rửa tẩy trần, ba thắp hương trên bàn thờ Phật và thờ ông bà, đề nghị me vái tạ một chuyến đi vui vẻ, bình yên, đồng thời khấn những nguyện ước của mình. Me mặc áo dài, lâm râm khấn vái trước

bàn thờ rồi qua ngồi bên ba nơi xô–pha. Ba hỏi me khấn gì. Nước mắt lưng tròng me nói: Còn gì nữa, một nửa khúc ruột còn lại bên nhà, ước sao có phép gì cho con sang được Đan Mạch. Ba liền lôi bức thư của bộ tư pháp ra và nói: Linh thiêng thật, mới khấn mà linh ứng ngay. Trong thư, ông bộ trưởng tư pháp đặc cách chấp thuận cho ba công dân Việt Nam: Nguyễn Thị Linh Phương, Nguyễn Thị Liên Phương và Nguyễn Đức Thanh Trí được nhập cảnh Đan Mạch theo diện đoàn tụ gia đình. Thế là me vừa khóc vừa đấm lưng ba thình thịch: "Ác chi mà ác rứa, không nói ngay cho người ta từ đầu." Con lọt sổ vì đã lập gia đình. Việc bảo lãnh vợ chồng con và Susu xem như vô vọng. Con lập gia đình cũng như các em có bạn trai, bạn gái là điều tự nhiên. Chẳng lẽ ngồi chờ... chờ một điều đã biết rõ là không bao giờ đến.

Việc ra đi của các em gặp nhiều trở ngại. Công an Hà Nội vào điều tra, cho rằng mình đã lo hối lộ để có hộ chiếu xuất cảnh. Có thể là việc thanh trừng nội bộ mà gia đình mình trở thành con vật tế thần chăng? Còn hối lộ thì cần gì mà phải điều tra từ Hà Nội. Họ biết rõ rằng mỗi lần cấp hộ chiếu xuất cảnh đều có tiền chui dưới gầm bàn, ít hay nhiều đều có tiền trà nước. Ngày giờ chuyến bay đã định vào tháng 10 năm 1986, nhưng các em bị giữ lại, hộ chiếu bị thu hồi. Con phải đối phó với công an, trả lời những câu hỏi khúc mắc của họ với sự giúp đỡ ý kiến tận tình của bác Niệm. Bên này ba me chỉ nhận được một điện tín với nội dung ngắn gọn: "Chuyến bay bị đình chỉ". Hoặc con không dám viết đầy đủ sự thật, sợ thư bị kiểm duyệt, hoặc một lá thư đi cả tháng, đôi khi thư sau đến trước hay ngược lại, đầu đuôi sự việc không ăn khớp với nhau. Ba me như ở trong cơn hoả mù. Me mất ăn mất ngủ, chỉ sợ xôi hỏng bỏng không.

Khó khăn nội bộ cũng không kém phần phức tạp. Vài em có bạn không mấy phấn khởi trong việc ra đi. Con phải động viên, thuyết phục, canh chừng và bao giờ cũng có "ông cố vấn Niệm" trợ lực cho đến ngày đẩy được chúng nó lên máy bay, ngày 13 tháng 1 năm 1988, trễ gần một năm rưỡi. Các em đi rồi, con cạo trọc đầu, trút hết mọi lo lắng theo mái tóc.

Trong vòng tám năm, kể từ ngày Liên mở đường ra ngoại quốc vào năm 1980, chín phần mười gia đình chúng ta đã đoàn tụ ở Đan Mạch. Ba không dám quay đầu nhìn lại quá khứ, sợ rằng đây còn là một giấc mơ chứ không phải là hiện thực. Con và gia đình riêng của mình không được hưởng phần "phép lạ" này. Nếu phần số hẩm hiu của con và Mỹ Susu đã an bài, ba me nghĩ rằng từ nay ít ra chúng con sẽ sống thong thả, thoải mái hơn. Chẳng lẽ chín người ở Đan Mạch lại đành để cho con phải kham khổ ngược xuôi buôn bán để nuôi sống gia đình như những ngày nào. Vả lại ba nghĩ, bất cứ việc gì cũng không nên quá tham lam, mong được thành tựu 100%. Dù nghĩ vậy, nhưng ba vẫn tự hỏi: tại sao một mình con gánh chịu mọi thiệt thòi? Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều, phải mở thêm một sinh lộ. Kế hoạch đưa Mỹ ra đi được hoạch định và bàn thảo giữa ba me cùng các con bằng những ngôn từ nửa úp nửa mở mà chỉ người trong cuộc mới hiểu. Mỹ an toàn đến Phi–luật–tân và sau đó đến Đan Mạch vào tháng giêng năm 1990. Như vậy con và Susu đã cầm hờ vé máy bay đi Đan Mạch, vì bảo lãnh đoàn tụ gia đình cho vợ con là ưu tiên một. Hai mẹ con của con đến Đan Mạch một năm sau Mỹ, tháng giêng năm

1991. Số con còn gian nan, phút chót vẫn có trở ngại. Cả nhà chờ đón con ở phi trường Odense, nhưng máy bay lại đáp xuống phi trường Billund, vì ở Odense thời tiết xấu, máy bay không hạ cánh được. Con đã đem lại niềm vui trọn vẹn cho đại gia đình. Giấc mơ tưởng như hão huyền lại thành sự thật. Me được cười sung sướng qua nước mắt.

Con rời ghế nhà trường đã 15 năm và đến Đan Mạch năm 33 tuổi, bắt đầu học một thứ ngôn ngữ tương đối khó, nhất là cách phát âm. Sau tám năm cày bừa với chữ nghĩa, con và Mỹ cùng tốt nghiệp trường sư phạm. Con may mắn có ngay công ăn việc làm tương đối ổn định, bên cạnh đó còn thu xếp thì giờ thích hợp để làm thông dịch. Tuy bận rộn với công ăn việc làm, con không từ nan một công tác nào của cộng đồng. Đều đặn mỗi sáng thứ bảy vợ chồng con và ba gặp nhau ở trường Việt ngữ, dạy thiện nguyện. Sau giờ dạy, con còn ở lại giúp cô Nhiên tập vũ cho các nữ sinh. Chú Kháng đôi lần nói với ba: Nói thật tình chứ không phải vị mặt, ở đây khó tìm ra một người phụ nữ như cháu Lili. Ba me những tưởng con đã qua cơn bĩ cực, đến hồi thái lai.

Titi, Nini và Linh đến đoàn tụ với gia đình ở Đan Mạch vào tuổi 29, 26 và 25 do quyết định đặc biệt của ông bộ trưởng tư pháp. Cho đến lúc đó và cả về sau, điều này chưa từng xảy ra với người Việt tị nạn, bảo lãnh chính thức con cái trên 18 tuổi. Ai cũng khen ba giỏi. Nhưng ba nghĩ, sự thành tựu này không hoàn toàn do sức người, người chỉ mưu sự và "thành sự tại Thiên". Hay như một ngạn ngữ Pháp nói: "Anh hãy tự giúp mình rồi Thượng Đế sẽ giúp anh". Mẹ con con qua được Đan Mạch, me vui mừng trong sự lo âu: ai cũng chúc mừng, người ta "quở" quá e không tốt.

Ba cũng có mối lo, nhưng ba lo khác. Suốt 30 năm chiến tranh, quanh gia đình chúng ta ngoài làng, bà con cật ruột xa gần, nhà nào cũng có người ngã xuống vì bom đạn. Riêng nhà mình, ông bà nội và o Khiết mất bình thường vì tuổi già. Và sự thành tựu trong việc vượt biên ba lần và bảo lãnh ngoại lệ của gia đình chúng ta đã đi ra ngoài cái lý "phước bất trùng lai". Giải thích thế nào đây? Sách vở có nói "nhất ẩm nhất trác giai do tiền định" (một chuyện ăn, một chuyện uống cũng đều do tiền định, ý nói Trời định), và người Tây phương tin rằng mọi sự đều do Thượng Đế an bài. Nhưng Trời và Thượng Đế sao lại an bài rủi ro cho người này và may mắn cho người khác? Ba không phủ nhận có một quyền lực siêu nhiên, nhưng ba còn tin tưởng một cách sâu sắc vào sự tương tác của Nghiệp Lực và thuyết Nhân Quả, không chỉ trong cuộc sống hiện tiền mà qua nhiều đời nhiều kiếp. Đại gia đình chúng ta đã được hưởng một cây Phước Duyên sum sê hoa quả do tổ tiên ông bà để lại, cũng có thể do chính chúng ta đã hợp lực gieo trồng qua nhiều kiếp sống. Ngày nay, nếu chúng ta chỉ hái quả mà không vun quén cho cây Phước Đức đơm hoa kết trái và gieo trồng thêm thì chẳng khác nào "toạ thực sơn băng", đói nghèo sẽ đến sau khi dùng hết của cải. Ba đã nhiều lần tâm sự mong tìm một hướng đi lên cho đại gia đình, nhưng con cái có đứa chưa chia xẻ mối lo của ba. Và con là người thông cảm với ba nhất.

Những ngày cuối cùng

Con nhập viện ngày 27 tháng 6 năm 2003 vì chứng bệnh đau bao tử theo chẩn đoán của bác sĩ gia đình. Thân xác con không tiều tụy mấy nhưng bị hành hạ bởi từng cơn đau nhiều nơi trong cơ thể. Hơn một tháng được thử máu, khám nghiệm nhiều bộ phận mà bác sĩ chưa xác định được bệnh trạng. Ngày ngày me lên bệnh viện sớm thay cho Mỹ đã trực đêm bên con. Trưa trưa ba đem thuốc Nam lên cho con uống, thay me để me về nấu chè hột sen cho con ăn buổi xế. Chiều chiều Nini đem đồ ăn lên cho con và Mỹ, vì thức ăn ở bệnh viện không hợp khẩu vị của con. Titi ở xa mà đi làm về cũng ngược đường lên tắm rửa cho con hai ngày một lần... Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ. Anh chị em quấn quít bên con sau giờ làm việc. Bạn bè của hai con, của ba me, đồng nghiệp của con tấp nập viếng thăm, có người lui tới nhiều lần. Những tình cảm đậm đà ấy đã sưởi ấm lòng con, đã chứng tỏ ngoài gia đình ra, còn có rất nhiều người thương mến và lo âu cho con. Con nằm đó, khi tỉnh táo chuyện trò vui vẻ với khách và người nhà, khi mệt nhọc vì những cơn đau hành hạ.

Hơn một tháng con chỉ được chích và uống nhiều thứ thuốc giảm đau. Thứ hai, ngày 28 tháng 7 năm 2003, ngày định mệnh như được an bài! Bác sĩ thông báo con bị ung thư dạ dày, và ung thư đã lan ra bốn nơi trong cơ thể. Cả nhà đau đớn đón nhận tin kinh hoàng này qua nước mắt, nhất là me bị ám ảnh bởi hình ảnh của cô Út, vợ chú Chung, cũng bị ung thư và đã qua đời vào đầu năm. Me cứ nhắc đi nhắc lại: Sao giống tình trạng cô Út quá.

Chiều ngày 1 tháng 8 con được chữa trị bằng quang tuyến (xạ trị). Theo bác sĩ, xạ trị phải đợi đến mươi ngày hay hai tuần mới có kết quả. Tuỳ theo tình trạng sức khoẻ của bệnh nhân để sau đó được chữa bằng hoá trị hay không. Ba nghĩ ngay đến chú Trần Đoàn, một bác sĩ ở Mỹ bị ung thư gan. Chú Đoàn bị cắt nửa lá gan, đã sắp đặt hậu sự cho mình và đã viết chúc thư để lại. Sau khi được giải phẫu, dù là bác sĩ Tây y, chú dùng thuốc Nam để chữa trị, và bệnh tình có mòi thuyên giảm. Ba mô tả bệnh trạng của con để nhờ chú Đoàn mách bảo về thuốc Nam. Chú Đoàn trả lời ngay, khuyên nên dùng hai thứ thuốc, uống như uống nước trà: Bán Liên Chi và Bạch Hoa Xà. Chú còn viết thêm: "Nếu tôi được phép có một lời khuyên, không nên chữa bằng hoá trị cho cháu. Nó làm cho thể xác đau đớn vô cùng. Trong trường hợp này nên cầu nguyện Chư Phật gia hộ cho cháu thân tâm an lạc, thanh tịnh thì hơn."

Sáng ngày 2 tháng 8, bác sĩ điều trị trình bày bệnh tình của con với ba me và Mỹ. Sau lời trình bày không mấy lạc quan của bác sĩ, con đã can đảm đặt thẳng câu hỏi: "Tôi còn bao nhiêu thời gian nũa?". Bác sĩ không trả lời thẳng câu hỏi của con mà chỉ nói, khó có câu trả lời chính xác, còn tuỳ thuộc vào diễn biến của bệnh trạng và sức khoẻ của bệnh nhân. Buổi chiều cùng ngày, gặp riêng cô y tá tốt bụng đã săn sóc con, ba cũng đặt ra một số câu hỏi. Cô y tá nói, bệnh tình khá trầm trọng, vì ung thư đã di căn nhiều nơi trong cơ thể. Kết hợp lời của chú Trần Đoàn, thông báo của bác sĩ và ý kiến của cô y tá, ba nhận định rằng con chỉ còn sống thêm một thời gian nữa mà thôi, dài hay ngắn không thể lường trước được. Ba giấu kín ý nghĩ này cả với me và Mỹ. Chẳng ai nói ra điều mình nghĩ, nhưng chắc cùng có cảm nhận như nhau.

Cùng chiều hôm ấy, khi trong phòng chỉ có hai cha con, ba biểu con cười ba mới nói chuyện. Con mỉm cười, ba khởi đầu câu chuyện từ 1975: Thời gian ba ở tù, me dạy học đồng lương không đủ nuôi sống gia đình đông người. Con là cột trụ chính, làm trăm công ngàn việc khác nhau để lo cho đàn em. Về sau gia đình đoàn tụ ở Đan Mạch, con là người đến sau cùng. Con đã nuôi me thập tử nhất sinh ở bệnh viện Nha Trang và Chợ Rẫy. Con đã lo cho đàn em và góp phần cho chồng ra đi. Con là người duy nhất trong gia đình chu toàn đạo hiếu hạnh với ông bà nội. Khi ông bà nội lần lượt qua đời, chỉ còn mình con ở quê nhà. Con đến Đan Mạch, đem lại sự trọn vẹn tràn đầy duyên phước cho đại gia đình. Đầy quá thì phải vơi. Sự vơi đầy vô thường của nhân sinh và thế cuộc đã trút lên mình con. Lẽ ra chỗ nằm trên giường bệnh này là của ba hay của me. Giá như ba hay me được thay thế cho con...! Con đau là đau cho ba, đau cho me, đau cho cả gia đình. Nghĩ được như thế, lòng con sẽ không phiền muộn, và sự an tịnh trong tâm sẽ làm giảm bớt cơn đau của thể xác. Trước tình huống này, ba có ba ý kiến cần tâm sự với con:

1. Chúng ta thành tâm nguyện cầu xin một phép lạ, tuy hiếm hoi nhưng không có nghĩa là không xảy ra. Ba me sẽ cầu nguyện theo niềm tin sâu sắc vào Đạo Phật, ngưỡng mong chư Phật, chư Bồ Tát phù hộ cho con. Phần con, bất cứ lúc nào có thể được, con để hết tâm trí và niềm tin niệm Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

2. Gia đình sẽ chung sức tận dụng mọi khả năng hỗ trợ cho con về mọi mặt, nhất là làm giảm những cơn đau đớn thể xác của con bằng những thứ thuốc ngoại khoa theo hướng dẫn của những người có kinh nghiệm sử dụng. Biết đâu phước chủ may thầy.

3. Nếu không có một phép lạ, con nên bình thản chấp nhận sự TRỞ VỀ, con đường mà bất cứ ai sớm muộn rồi cũng phải đi qua... Điều quan yếu là con cố gắng giữ cho thân tâm được an lạc, thanh tịnh. Gia đình luôn luôn ở bên con. Chư Phật, chư Bồ Tát sẽ độ trì cho một người con hiếu hạnh và biết hy sinh như con, không kiếp này thì kiếp khác.

Con đã cười qua nước mắt, ôm vai ba rồi sờ vào mấy cục u lên sau lưng và dặn: Ba phải nói với bác sĩ về mấy cục u này, nguy hiểm lắm.

Khi nói đến phép lạ, đề cập đến sự TRỞ VỀ, cầu nguyện chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ kiếp sau... cả gia đình và ba đã cảm nhận được điều gì sẽ gần đến, chỉ tránh nói chữ CHẾT. Tuy thế, còn nước vẫn còn tát, không những người nhà tát mà cả thân bằng quyến thuộc khắp bốn phương đều chung sức tát.

Cậu mợ Ẩn đã cấp tốc gởi Bán Liên Chi và Bạch Hoa Xà từ Mỹ sang. Thanh nhờ người anh con ông bác truy tầm nấm Cỗ Linh Chi ở Việt Nam rồi gởi qua bằng đường Express. Mỹ và ba me theo sự thuận lợi của mình truy lùng tin tức và thuốc Nam trị bệnh ung thư. Thuốc lần lượt đến kèm theo những lời khuyến khích gia đình và thành tâm chúc con tai qua nạn khỏi. Bác Châu tặng một hộp thuốc Linh Chi. Bạn của Mỹ gởi thuốc Linh Chi từ Nhật. Anh Cường gởi thuốc Linh Chi của Nhật sản xuất ở Úc. Cậu mợ Ấn ở San Jose gởi

sang một hộp thuốc Trung Quốc mà cậu mợ biết một người quen bị ung thư đã dùng có hiệu quả. Thuốc này rất đắt, 375 đô–la một hộp mười gói nhỏ. Nghĩ rằng thuốc đắt là thuốc quí, ba me đã nhờ cậu mợ mua thêm. Một người bạn Khải Định của ba, bác Lý Đải, nửa thế kỷ chưa hề gặp nhau, bây giờ trở nên thân thiết qua sự giao thiệp thư tín từ ngày con lâm trọng bệnh. Bác bày cách sắc lá đu đủ tía để uống. Một người bạn khác bày xay lá long tu chung với mật ong và rượu mạnh, uống ngày ba lần trước bữa ăn. Bạn của Mỹ giới thiệu món Canh Dưỡng Sinh, một môn thuốc nhiều người cho là cải tử hoàn sinh và đang có phong trào sử dụng rộng rãi ở Mỹ. Ba tìm hiểu từng bước, từng bước một, lần hồi liên lạc với cô Tố Nga, chuyền đến cô Bạch Vân và cuối cùng đến bác Phan Mạnh Lương. Bác Lương đã sốt sắng gởi ngay một thùng thuốc trong đó có chừng mươi kg củ gobo, một thứ không thể tìm thấy ở Đan Mạch, cùng với tài liệu hướng dẫn cặn kẽ cách thức nấu và dùng Canh Dưỡng Sinh. Tiếc thay nhiều loại thuốc đến đã quá muộn!

Do việc truy lùng thuốc thang mà tin con bị bệnh ngặt nghèo đã lan đến quê nhà cũng như nhiều nơi ở nước ngoài. Bác Trần Văn Sơn thông báo cho bạn bè Khải Định khoá 48–55 mà ba chỉ là thân hữu. Ba me và Mỹ hằng ngày nhận được nhiều điện thư thăm hỏi và chúc lành cho con. Cô Hoàng Thị Doãn ở Đức, cô Tường Loan ở Mỹ, cô Ngọc Cầu ở Việt Nam... hỏi tên tuổi và ngày sinh của con để cầu an hằng ngày. Thầy Thích Hạnh Bảo và đạo hữu của ba me cũng cầu an cho con mỗi lần có sinh hoạt ở chùa Vạn Hạnh.

Vô vàn tình cảm thiết thân dành cho con, không những của những giọt máu đào mà cả những ao nước lã. Thuốc ngoại khoa vẫn về tới tấp. Có thứ con thích có thứ không. Ba me và Mỹ thuyết phục con uống xen kẽ. Một vài dấu hiệu lạc quan xuất hiện làm cả nhà vui mừng. Đại tiểu tiện của con thông hơn trước, con có thể tự mình đi vệ sinh mà không cần người giúp đỡ. Một đôi lần, vào những buổi chiều đẹp trời con ra ngoài bao lơn hóng gió và tỉnh táo góp chuyện với ba me cùng Mỹ. Đột nhiên chiều ngày 14–8 những cơn đau khủng khiếp tái xuất hiện. Khám nghiệm cho thấy ung thư đã di căn đến hai vùng nữa trong cơ thể. Sau khi được chích thuốc giảm đau, con thiu thiu ngủ, ba ra hành lang nói chuyện lại với cô y tá. Để trả lời những câu hỏi của ba, cô ta nói, đã săn sóc nhiều bệnh nhân như con, không có ai sống sót, vấn đề chỉ là thời gian, tuỳ thuộc vào nhiều yếu tố. Cô ấy dè dặt nói thêm, đó không phải là phát biểu của một người có trách nhiệm mà chỉ là ý kiến riêng tư.

Trưa ngày hôm ấy, ba đang ngồi viết về con trong phòng khách, thấy một con bướm lớn màu nâu bay lượn trong phòng. Vào mùa hè, cửa sổ mở rộng, ong bướm bay vào nhà là chuyện thường, ba vẫn viết. Một hồi lâu nhìn lên, vẫn thấy con bướm bay nhởn nhơ trong phòng. Ba đưa tay về phía trước, nói đùa: Có phải con về thăm thì lại đây với ba. Lạ lùng thay, con bướm bay lại lượn vòng trên đầu ba. Ba nhìn sững con bướm với một cảm giác lạnh mình và sực nhớ đến câu thơ Đường "Trang Sinh hiểu mộng mê hồ điệp". Ba nhắm mắt lại để định thần, trong đầu xoay chuyển nhiều câu hỏi. Mở mắt ra, ba vẫn thấy con bướm thong dong bay lượn trên đầu. Ba nói như nói với con: Ba biết con về thăm, trong phòng chật chội, con nên ra ngoài không gian cho khoáng đạt. Trước sự ngạc nhiên thẫn thờ của ba, con bướm luồn gọn gàng qua khe cửa mở, bay ra ngoài. Ba điện thoại ngay

lên bệnh viện hỏi Mỹ con đang làm gì. Mỹ trả lời con đang ngủ. Lúc đó là 14 giờ 15 phút (ngày 14–8). Một sự trùng hợp có lớp có lang hay con đã hoá bướm trong giấc mộng?

Càng ngày càng có những chỉ dấu không mấy lạc quan xuất hiện, chính con cũng đã cảm nhận con đường TRỞ VỀ đang rộng mở. Bút tích cuối cùng của con viết trên giường bệnh cho Thảo, người bạn gái tâm giao ở Việt Nam, ngày 5–8:

"*Thảo thương,*

Nhận thư Thảo, thật cảm động, không cầm được nước mắt. Mấy ngày nay P đã quen với từ 'ung thư bao tử'. Cảm giác của P chắc ít ai ngờ, chỉ có Mỹ và gia đình. P rất bình thản. Điều duy nhất P sợ là đau đớn chứ không phải cái chết. Thứ hai là thương cho Mỹ và Su–Tin... Chia buồn với tang mẹ Minh. Bà ra đi có nhẹ nhàng không? Bây giờ P mới thấm thía từ 'ra đi nhẹ nhàng', chỉ mong mình cũng được như vậy...".

Con thấy trước việc gì xảy đến cho mình. Gia đình và thân hữu cũng đã thấy việc gì, không chóng thì chầy, sẽ xảy ra cho con. Nhưng chúng ta vẫn đóng kịch với nhau, trấn an nhau. Như một cách chuẩn bị tinh thần để đón nhận một tình huống xấu nhất, ba đã lần hồi nói chuyện với me và Mỹ những gì trao đổi với bác sĩ Trần Đoàn, với bác sĩ và y tá bệnh viện. Những ý kiến ấy, trực tiếp hay gián tiếp, dẫn đến kết luận là sớm muộn con cũng ra đi. Tuy trong tình trạng tuyệt vọng, nhưng còn một chút nước vẫn còn tát, thuốc Nam vẫn tới tấp đến và được đều đặn sử dụng.

Ngày 20 tháng 8 mắt trái con quầng thâm, hai ngày sau lan qua mắt phải. Bệnh viện phối hợp với kommune đưa con về săn sóc tại gia (?!). Thứ bảy ngày 23 tháng 8 con được đưa về nhà. Bà bạn láng giềng người Đan 83 tuổi của con đến thăm, con vẫn tỉnh táo nói chuyện, đôi khi còn điểm một nụ cười. Nhưng hôm sau Mỹ phải cấp tốc chở con trở lại bệnh viện. Kể cũng lạ, cơ thể con có phần suy nhược, nhưng tinh thần vẫn minh mẫn, chuyện trò đâu ra đó, rất mạch lạc.

Sáng ngày 26 tháng 8, ba lên sớm thay me. Ba có linh cảm rằng, nếu cha con không nói chuyện riêng với nhau, e không còn cơ hội. Ba gợi ý bằng những câu hỏi về bệnh trạng để con tự nói ra là tình huống xấu nhất có thể đến bất cứ giờ phút nào. Cha con đã tâm sự với nhau một tiếng rưỡi đồng hồ về chuyện gia đình, chuyện chồng con của con.

Con nói: "Con biết rõ số phận mình rồi. Dầu sao con cũng đã có một thời gian hạnh phúc. Chẳng biết bất ngờ không có con, anh Mỹ có quán xuyến được gia đình không. Anh ấy vì cưng thằng Tin nên đôi khi la rầy thằng Su một cách bất công. Con nhớ thằng Tin quá. Nó nói, không lên thăm con vì sợ con chết. Con hết sức cảm động vì sự lo lắng, chăm sóc của cả gia đình. Con mãn nguyện lắm rồi. Ba gắng chăm sóc me, con sợ me đổ bệnh."

Ba đặt ra một vấn đề khá tế nhị nhưng rất thực tế, trong cảnh gà trống nuôi con, với hai thằng con trai ăn chưa no, lo chưa tới, chắc chắn là có khó khăn cho Mỹ. Mặc dù chúng

ta đang ở Tây phương, nhưng vị trí của người đàn bà Việt Nam trong gia đình vẫn là tề gia nội trợ. Thiếu vắng một bàn tay phụ nữ, một gia đình cũng khó đạt được sự sinh hoạt điều hoà. Mỹ còn trẻ, sau này nếu có một người đàn bà nào đó thay con cũng là chuyện bình thường. Ở một thế giới khác, con có linh thiêng cũng đừng lấy đó làm điều. Con mỉm cười nói: "Cũng được thôi". Trước khi ba lái xe đi Svendborg, con nhắc nhở: "Lái xe cẩn thận nghe ba! Ba có vẻ mệt". Trên đường đi cũng như đường về, ba không cầm được nước mắt, không thể định tâm nên đã gây ra một tai nạn. cũng may, chỉ hư hại xe cộ.

Lê hẹn về thăm con ngày 28 tháng 8, rồi báo lại về ngày 27. Sáng ngày 26, vợ Lê điện thoại báo tin Lê đã lái xe ra đi, vì quá nóng ruột, không thể chờ được. Nhờ vậy Lê được gặp mặt con lần cuối. Giải thích sự kiện này thế nào đây? Một sự ngẫu nhiên hay giữa chị em có thần giao cách cảm? Tối 26 tháng 8 ba me lên bệnh viện. Trong phòng đã có gia đình anh Lân, Lê, và Mỹ. Ba bắt tay mấy người đàn ông. Con chìa tay ra cười nói: "Sao lần này ba không bắt tay con?" Cha con bắt tay nhau lần cuối. Hơn 9 giờ 30, con yêu cầu mọi người về vì đã quá giờ thăm và con cần nghỉ. Mỹ ở lại. 3 giờ 35 khuya ngày 27 tháng 8, Mỹ gọi điện thoại thúc ba me lên gấp, Lili sắp đi. Cú điện thoại không chờ đợi làm tan nát lòng người đã đến. Ba me chạy đi đón hai cháu ngoại, 4 giờ lên đến bệnh viện thì con đã yên giấc. Mỹ nói, con đột nhiên khó thở. Bác sĩ trực vào khám và cho biết không thể cứu vãn được nữa. Con còn nghe và hiểu lời bác sĩ, nói với Mỹ: "Chắc ba me lên không kịp đâu anh ơi!", rồi nhắm mắt lại, thanh thản ra đi.

Gia đình tập trung mau lẹ. Mỹ đứng khoanh tay trước ngực, mắt ngước nhìn lên trần nhà, nước mắt giàn giụa. Những người có mặt sụt sùi, giọt ngắn giọt dài. Trong giờ phút này cũng như khi tẩn liệm và hạ huyệt, me cố giành lại đứa con đã ở trong tay tử thần. Theo lời dạy của Lạt Ma Soygal Rinpoche ba học được trong sách Tạng Thư Sống Chết do Ni Sư Thích Nữ Trí Hải dịch, cũng như theo kinh sách, vào giờ phút thiêng liêng này, thân nhân cố giữ sự tĩnh lặng để khỏi khuấy động tâm linh người mới mất, nhất là đừng để nước mắt bi lụy rơi trên thi thể. Sau khi thuyết phục mọi người dồn về một phía, ba quỳ xuống cầm tay con chuyện trò... chủ ý muốn thức tỉnh tâm linh của con. Hơi ấm trong thân thể con còn toát ra, chuyền vào từng thớ thịt trong người ba. Sau mươi mười lăm phút, ba niệm cầu Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn con về cõi Tịnh Độ. Sau này me cứ trách ba: Con bệnh không cho người ta khóc. Con chết cũng không cho người ta khóc. Bây giờ khóc với ai đây? Lê rất "uỷ mị", khóc thành tiếng: chị Li ơi! Chị là mẹ của em.

Đại Đức Thích Hạnh Bảo đã bỏ buổi công phu khuya, vội vàng thông báo cho ban hộ niệm lên ngay bệnh viện tụng thời kinh tiếp dẫn cho con. Ngoài cương vị của một vị sư trụ trì chùa, đại đức còn lấy thân tình đối với gia đình để chu toàn về mặt lễ nghi cũng như hình thức tổ chức tang lễ từ đầu đến cuối. Ngay chiều 27 làm lễ nhập quan, linh cữu được đưa về nhà sau đó. Thật vô cùng cảm kích, tối hôm ấy thầy Hạnh Bảo đã tự mình đi chọn mua hoa để kết một tràng hoa đặt trên quan tài của con. Thầy cũng đã dùng khoản tịnh tài cúng dường khiêm nhường sung vào quỹ đại tu bổ chùa Vạn Hạnh để hồi hướng công đức cho con.

Trưa ngày 29 tháng 8 làm lễ động quan.

Ai đi đưa xin đưa đến tận nơi,
Chớ quay lại nửa đường mà làm tủi
Người đã chết, một vài ba đầu cúi,
Dăm bảy lòng thương xót đến bên mồ. **–(Chiều buồn, Huy Cận)**

Con đã không tủi khi đi vào cõi hư vô. Hàng trăm tấm lòng thương xót đã đến vĩnh biệt con. Ngoài thân nhân, sui gia là bà con và bằng hữu xa gần, đồng nghiệp người Đan của con, còn có người đến từ xa như Nga, bạn con ở Lyon bên Pháp, Nguyện và Xuân ở Thuỵ Điển. Cảm động nhất là sự hiện diện của Bác sĩ Trần Đức Minh. Chú Minh đang lâm trọng bệnh, mỗi đêm phải dùng máy lọc máu mười tiếng đồng hồ. Chú không kịp uống chén nước với gia đình và bằng hữu sau tang lễ. Chú quá mệt, phải nằm cho con chở đi chở về trên đường dài trên 150km. Vợ chồng Minh–Thảo ở Nha Trang cũng thông báo qui tụ một số bạn bè làm lễ tưởng niệm con vọng qua Đan Mạch. Một cuộn video thu hình ảnh lễ tưởng niệm và bài phát biểu của Minh đã được gởi sang cho ba me. Trong bài có đoạn: "Chúng tôi nhận ra rằng mình đã có một người bạn thật sự khó tìm trong cuộc sống. Đúng vậy, thưa các bạn, Anh Phương không phải là người hùng, cũng không phải là người nổi tiếng, nhưng bản chất của tâm hồn và phong cách xử thế của người phụ nữ này, theo tôi, đáng để chúng ta trân trọng và suy gẫm."

Trước khi quan tài hạ huyệt, Mỹ đã đọc một bài "điếu văn" thống thiết làm cho nhiều người vây quanh mủi lòng sụt sùi nước mắt: ... "Em là người mẹ thương yêu của hai con, em là người bạn đời đã từng chia xẻ bao lo âu, gian nan nhưng cũng biết bao là hạnh phúc nồng nàn mà gia đình mình đã được hưởng trong hai mươi năm qua. Em muôn đời là người phụ nữ lớn nhất trong đời của anh và hai con. Anh tin rằng sự hiện diện đông đảo của tất cả quí vị trong giờ phút này, những bông hoa tươi đẹp nhất bên thi hài em đã chứng tỏ cái TINH ANH của em vẫn còn trong trái tim của nhiều người, trong đó có rất nhiều học sinh của chúng ta..."

Sau lời phân ưu của bác Hoàng Công Trực thay mặt cho bà con Thiên Chúa Giáo đến dự tang lễ, chú Nguyễn Tích Kháng thay mặt cho Hội Ái Hữu Người Việt và bác Lê Bá Châu thay mặt Chi Hội Phật Giáo VNTN, ba nghẹn ngào không nói ra lời, đã lạy tạ đại đức Thích Hạnh Bảo và vái bốn phương để cám ơn lòng ưu ái của bằng hữu đã đến tiễn con ra đi và chia xẻ niềm thương đau của gia đình. Trời đang nắng tốt, bỗng mây đen vần vũ báo hiệu một cơn mưa lớn sắp đổ xuống. Thời tiết rất thuận lợi vào những ngày tang sự. Nhiều người nói, con mất vào ngày vía ngài Địa Tạng nên được ngài phù hộ.

Tối ngày 29, sau tang lễ cả đại gia đình tập trung ở nhà con. Trời nhá nhem tối, Trúc đưa con (Nam Kinh) vào phòng Susu ngủ tạm. Vừa được mẹ đặt xuống xô–pha, Nam Kinh chỉ tay về phía sau lưng Trúc và hỏi: Ai bồng anh Tintin vậy mẹ? Quay lại chẳng thấy ai, Trúc rầy con: tối rồi, ngủ đi, đừng nói bậy. Thằng bé chỉ tay nói tiếp: Còn đứng kia kìa.

Trúc nhìn lui chẳng thấy ai, hoảng hốt xốc con chạy ra phòng khách, hớt hơ hớt hãi kể lại. Mọi người nhìn nhau ớn lạnh. Tối hôm đó ai ở lại đều ngủ tại phòng khách, đèn chong sáng suốt đêm. Hai hôm sau, trên đường ra mở cửa mả, Lê lái xe cho vợ con cùng đi với bà ngoại. Thằng bé hỏi mẹ đi đâu vậy. Mẹ nó nói đi thăm cô Li. Nó buột miệng nói: cô Li làm vậy này... làm vậy này. Vừa nói nó vừa xoa tay trên đầu mình và le lưỡi ra thụt lưỡi vào, bộ điệu chọc trẻ con. Như để thử xem hư thực thế nào, Trúc hỏi cô Li mặc áo màu gì. Nó trả lời ngay là áo màu trắng và còn tiếp: tóc cô Li ngắn nữa. Hai chi tiết màu áo trắng và tóc ngắn Nam Kinh không thể biết được, vì khi tẩn liệm không có nó. Chỉ có một cách giải thích là con đã hiển linh và giữa hai cô cháu cùng có một tầng số giao cảm thiêng liêng.

Lời cuối

Con cùng tuổi tuất như ba và có khuôn mặt giống ba. Người ta nói, con gái giống cha thì giàu ba họ. Lúc con mới sinh, cụ Đỗ Linh, giáo sư Hán tự trường trung học Cường Để đến thăm. Cụ Linh là một cựu tri huyện thâm Hán học, thông thạo tử vi. Cụ lấy bát tự tử bình, tức là thiên cang và địa chi giờ–ngày–tháng–năm sinh của con để chấm cho con lá số tử vi. Một ngày nọ, cụ Linh đến với một tập giấy chằng chịt chữ Hán, hớn hở nói với ba me: cháu có lá số tử vi rất quí, số HOÀNG HẬU. Cụ cười và tiếp: Thời buổi này không còn vua chúa để có hoàng hậu. Ý là nói cháu có số rất sang.

Giống cha thì giàu ba họ và số hoàng hậu? Người Trung Hoa có nói: Khi được sinh ra tôi khóc, những người quanh tôi cười. Khi tôi chết, nếu tôi cười và những người quanh tôi khóc thì tôi đã sống một đời sống có ý nghĩa. Con nằm xuống, tuy không cười nhưng nét mặt thanh thản, trong lúc thân nhân và nhiều đồng hương đã khóc. Điều này xác tín con đã sống một đời sống có ý nghĩa. Chẳng phải vì tình máu mủ mà ba đã nói ra như vậy. Bà trung tâm trưởng Kisrten Osterlin trung tâm con làm việc cũng đã xác nhận điều này trong "Lời Tưởng Nhớ" đăng trên báo: ... "Quả là một nỗi đau buồn sâu sắc khi chúng tôi biết Li không còn với chúng tôi nữa. Chúng tôi đã làm việc với Li và lấy làm vui thích hợp tác với con người NHỎ–MÀ–LỚN này, một người có nhiều ý nghĩa. Chúng tôi sẽ thiếu vắng sự hưng phấn và bản chất vui tươi của Li..."

Con đã sống một đời sống đầy ý nghĩa với sự chu toàn trách nhiệm thuận thảo làm con đối với hai bên gia đình, làm vợ, làm mẹ, thuỷ chung với bạn bè, nhất là những người lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Sách Phật có nói: Muốn biết kiếp trước như thế nào, hãy nhìn vào đời sống hiện tiền, nó là kết quả của kiếp trước. Muốn biết kiếp sau ra sao, cũng nhìn vào đời sống hiện tại, nó là nguyên nhân của kiếp sau. Nhận định như thế, ba vui mừng thấy con đã tích luỹ, làm giàu bằng công đức cho những kiếp sau. Con gái giống cha giàu ba họ, và lá số tử vi cụ Linh chấm con có số sang quả không sai.

Lili ơi! Con có phải là con riêng của ba me? Hay con là một người từ cõi xa xăm nào đó có nhiều nghiệp duyên với đại gia đình chúng ta, sau khi thanh thoả xong những món nợ,

tích luỹ phước đức, con phủi tay thanh thản ra đi? Ba me sẽ noi gương cách làm giàu Phước Đức của con. Vĩnh biệt con, Lili Nguyễn Thị Anh Phương, pháp danh Đồng Ái!

Nguyện sanh Tây phương tịnh độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ.

NAM MÔ TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT
NAM MÔ ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT

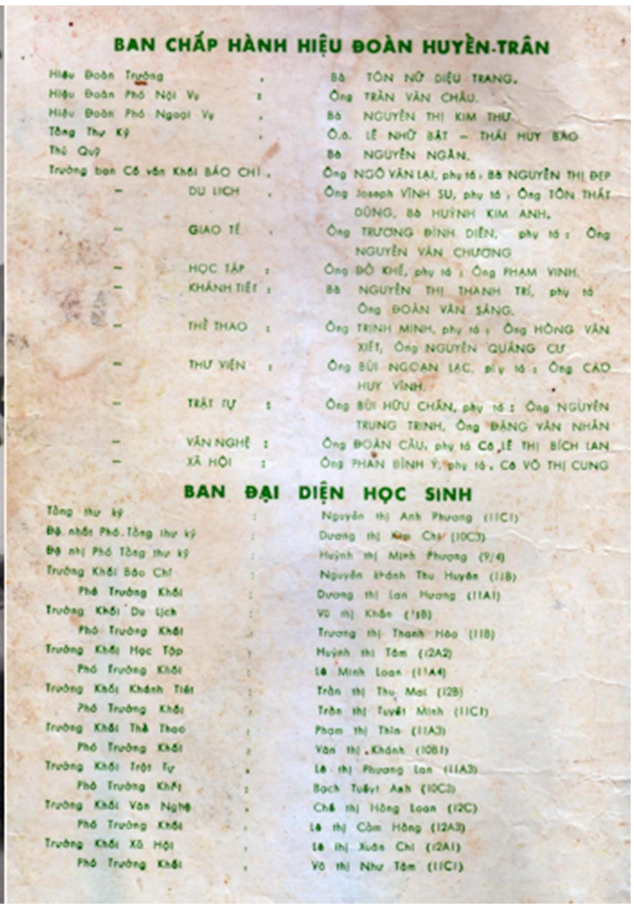

BAN CHẤP HÀNH HIỆU ĐOÀN HUYỀN-TRÂN

Hiệu Đoàn Trưởng	Bà TÔN NỮ DIỆU TRANG.
Hiệu Đoàn Phó Nội Vụ	Ông TRẦN VĂN CHÂU.
Hiệu Đoàn Phó Ngoại Vụ	Bà NGUYỄN THỊ KIM THƯ.
Tổng Thư Ký	Ô.ô. LÊ NHỰT BẮT – THÁI HUY BẢO
Thủ Quỹ	Bà NGUYỄN NGÂN.
Trưởng ban Cố vấn Khối BÁO CHÍ	Ông NGÔ VĂN LAI, phụ tá : Bà NGUYỄN THỊ ĐẸP
– DU LỊCH	Ông Joseph VĨNH SU, phụ tá : Ông TÔN THẤT DŨNG, Bà HUỲNH KIM ANH.
– GIAO TẾ	Ông TRƯƠNG ĐÌNH DIỄN, phụ tá : Ông NGUYỄN VĂN CHƯƠNG
– HỌC TẬP	Ông BỒ KHẾ, phụ tá : Ông PHẠM VINH.
– KHÁNH TIẾT	Bà NGUYỄN THỊ THANH TRÍ, phụ tá Ông ĐOÀN VĂN SÁNG.
– THỂ THAO	Ông TRỊNH MINH, phụ tá : Ông HỒNG VĂN XIẾT, Ông NGUYỄN QUẢNG CƯ
– THƯ VIỆN	Ông BÙI NGOẠN LẠC, phụ tá : Ông CAO HUY VĨNH.
– TRẬT TỰ	Ông BÙI HỮU CHẤN, phụ tá : Ông NGUYỄN TRUNG TRỊNH, Ông ĐẶNG VĂN NHÂN
– VĂN NGHỆ	Ông BOÀN CẦU, phụ tá Cô LÊ THỊ BÍCH LAN
– XÃ HỘI	Ông PHAN BÌNH Y, phụ tá : Cô VÕ THỊ CUNG

BAN ĐẠI DIỆN HỌC SINH

Tổng thư ký	Nguyễn thị Anh Phương (11C1)
Đệ nhất Phó Tổng thư ký	Dương thị Kiệp Chi (10C3)
Đệ nhị Phó Tổng thư ký	Huỳnh thị Minh Phượng (9/4)
Trưởng Khối Báo Chí	Nguyễn thanh Thu Huyền (11B)
Phó Trưởng Khối	Dương thị Lan Hương (11A1)
Trưởng Khối Du Lịch	Võ thị Khẩn (12B)
Phó Trưởng Khối	Trương thị Thanh Hòa (11B)
Trưởng Khối Học Tập	Huỳnh thị Tâm (12A2)
Phó Trưởng Khối	Lê Minh Loan (11A4)
Trưởng Khối Khánh Tiết	Trần thị Thu Mai (12B)
Phó Trưởng Khối	Trần thị Tuyết Minh (11C1)
Trưởng Khối Thể Thao	Phạm thị Thìn (11A3)
Phó Trưởng Khối	Văn thị Khánh (10B1)
Trưởng Khối Trật Tự	Lê thị Phương Lan (11A3)
Phó Trưởng Khối	Bạch Tuyết Anh (10C3)
Trưởng Khối Văn Nghệ	Chế thị Hồng Loan (12C)
Phó Trưởng Khối	Lê thị Cẩm Hồng (12A3)
Trưởng Khối Xã Hội	Lê thị Xuân Chi (12A1)
Phó Trưởng Khối	Võ thị Như Tâm (11C1)

Ba của con,
Nguyễn Đức Giang

*Nguồn: Internet eMail by **plang** chuyển*

Đăng ngày Thứ Ba, July 23, 2024
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A–72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH